

Số: **3464/QĐ-BNN-HTQT**

Hà Nội, ngày **24 tháng 12 năm 2010**

QUYẾT ĐỊNH

Gia hạn và phân bổ lại nguồn vốn Dự án “Phòng chống dịch cúm gia cầm, cúm ở người và dự phòng đại dịch ở Việt Nam” (VAHIP)

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;

Căn cứ Nghị định 131/2006/NĐ-CD ngày 09/11/2006 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức;

Căn cứ Thông tư 04/2007/TT-BKH ngày 30/7/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức;

Căn cứ Thông tư số 49/2009/TT-BNNPTNT ngày 04/8/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ của nước ngoài thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT;

Căn cứ Quyết định số 329/QĐ-BNN-HTQT ngày 05/02/2007 về việc phê duyệt Dự án “Phòng chống dịch cúm gia cầm, cúm ở người và dự phòng đại dịch ở Việt Nam” do Ngân hàng Thế giới tài trợ;

Căn cứ các Hiệp định giữa Chính phủ Việt Nam và Hiệp Hội phát triển quốc tế (IDA) số Cr.4273-VN, Quỹ uy thác phòng chống dịch cúm gia cầm, cúm ở người (AHI) số TF 057747-VN và Quỹ phát triển nguồn nhân lực và chính sách Nhật Bản (PHRD) số TF057848-VN về Dự án phòng chống dịch cúm gia cầm, cúm ở người và dự phòng đại dịch ở Việt Nam (VAHIP) đã được ký ngày 12/4/2007, có hiệu lực từ ngày 23/8/2007 và thời gian kết thúc dự án là ngày 31/12/2010;

Căn cứ công văn số 2310/TTg-QHQT của Thủ tướng Chính phủ ngày 17/12/2010 về việc đồng ý gia hạn thời gian thực hiện đến 30/6/2011 và điều chỉnh một số nội dung của Dự án “Phòng chống dịch cúm gia cầm, cúm ở người và dự phòng đại dịch ở Việt Nam”;

Căn cứ thư của Ngân hàng Thế giới ngày 23/12/2010 gửi Ngân hàng Nhà nước về việc đồng ý gia hạn đến ngày 30/6/2011 và điều chỉnh các nguồn vốn của Dự án “Phòng chống dịch cúm gia cầm, cúm ở người và dự phòng đại dịch ở Việt Nam”;

Xét đề nghị của Ban quản lý các Dự án Nông nghiệp tại công văn số 2653/DANN-VAHIP ngày 29/12/2010;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn thời gian thực hiện Dự án “Phòng chống dịch cúm gia cầm, cúm ở người và dự phòng đại dịch ở Việt Nam” đến ngày 30/6/2011.

Phân bổ lại nguồn vốn cho khoản tín dụng IDA (Cr.4273-VN) và khoản tài trợ AHI (TF 057747-VN) cụ thể như sau:

- Đối với Hợp phần do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý, chuyển phần kinh phí còn dư của khoản tín dụng IDA và của khoản tài trợ AHI từ hạng mục 1(a) đến hạng mục 1(c) (phụ lục 1 và 2);

- Đối với Hợp phần do Bộ Y tế quản lý, chuyển phần kinh phí còn dư của khoản tín dụng IDA và của khoản tài trợ AHI từ hạng mục 2(b) sang hạng mục 2(c) (phụ lục 1 và 2).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Y tế, Trưởng ban quản lý các Dự án Nông nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Các Bộ: KH và ĐT, TC, TP, NG;
- UBND các tỉnh tham gia Dự án;
- Các Vụ: KH, TC;
- Cục Thú y, Cục Chăn nuôi;
- Lưu VP, HTQT (VTHH-25).





Phân bổ nguồn vốn cho khoản tín dụng IDA (Cr.4273-VN)
được Ngân hàng Thế giới đồng thuận)
(Kèm theo Quyết định số 3464/QĐ-BNN-HTQT, ngày 24 tháng 12 năm 2010)

(Đơn vị tính: SDR)

Stt	Hạng mục	Số tiền được phân bổ từ khoản tín dụng (tính theo SDR)	Số tiền được điều chỉnh lại từ khoản tín dụng (tính theo SDR)	Mức % Chi tiêu được Tài trợ	Ghi chú
1	2	3	4	7	6
	(1) Hợp phần Bộ Nông nghiệp:			67% đến ngày 30/6/2011	
	(a) Xây lắp, hàng hóa (không bao gồm thuốc kháng virus), đào tạo và hội thảo thuộc tiểu phần A, C.1, C.2 (a) và C.3(a) và dịch vụ tư vấn thuộc tiểu phần A.2 và A.4 của dự án.	5,159,000	5,039,000		Điều chỉnh sang hạng mục 1(c).
	(b) Thanh toán đền bù theo tiểu phần A.5 của dự án.	25,000	25,000		Không thay đổi
	(c) Chi phí hoạt động gia tăng theo Hợp phần A, C.1, C.2(a) và C.3(a) của dự án	1,696,000	1,816,000		Kinh phí tăng thêm trong 6 tháng gia hạn, điều chỉnh từ hạng mục 1(a) còn dư sang.
	(2) Phần Dự án tương ứng của Bộ Y tế:			67% đến ngày 30/6/2011	
	(a) Sửa chữa nhỏ thuộc tiểu hợp phần B.2(d); hàng hóa (không bao gồm thuốc kháng virus), đào tạo và hội thảo thuộc Hợp phần B, C.2(b) và C.3(b) của Dự án.	3,933,000	3,933,000		Không thay đổi
	(b) Các khoản cấp phát theo tiểu hợp phần B.4(b) của Dự án	2,321,000	2,259,000		Điều chỉnh sang hạng mục 2(c).
	(c) Chi phí hoạt động gia tăng theo Hợp phần B, C.2(b) và C.3(b) của Dự án.	366,000	428,000		Kinh phí tăng thêm trong 6 tháng gia hạn, điều chỉnh từ hạng mục 2(b) còn dư sang.
	Chưa phân bổ				
	Tổng cộng	13,500,000	13,500,000		

Ghi chú:

Tỷ lệ quy đổi tạm tính 1 USD = 19.000 VND

Tỷ lệ quy đổi tạm tính 1 SDR = 1.571630 USD ngày 20/10/2010.

Phụ lục 2: Phân bổ lại nguồn vốn cho khoản tài trợ AHI (TF 057747-VN)
(đã được Ngân hàng Thế giới đồng thuận)

(Kèm theo Quyết định số **3464** QĐ-BNN-HTQT, ngày **24** tháng **12** năm 2010)

(Đơn vị tính: USD)

Stt	Hạng mục	Số tiền được phân bổ từ khoản tín dụng (tính theo USD)	Số tiền được điều chỉnh lại từ khoản tín dụng (tính theo USD)	Mức % Chi tiêu được Tài trợ	Ghi chú
1	2	3	4	7	6
	(1) Hợp phần Bộ Nông nghiệp:			33% đến ngày 30/6/2011	
	(a) Xây lắp, hàng hóa (không bao gồm thuốc kháng virus), đào tạo và hội thảo thuộc tiểu phần A, C.1, C.2 (a) và C.3(a) và dịch vụ tư vấn thuộc tiểu phần A.2 và A.4 của dự án.	4,017,000	3,896,000		Điều chỉnh sang hạng mục 1(c).
	(b) Thanh toán đền bù theo tiểu phần A.5 của dự án.	20,000	20,000		Không thay đổi
	(c) Chi phí hoạt động gia tăng theo Hợp phần A, C.1, C.2(a) và C.3(a) của dự án	1,333,000	1,454,000		Kinh phí tăng thêm trong 6 tháng gia hạn, điều chỉnh từ hạng mục 1(a) còn dư sang.
	(2) Phần Dự án tương ứng của Bộ Y tế:			33% đến ngày 30/6/2011	
	(a) Sửa chữa nhỏ thuộc tiểu hợp phần B.2(d); hàng hóa (không bao hàm thuốc kháng virus), đào tạo và hội thảo thuộc Hợp phần B, C.2(b) và C.3(b) của Dự án.	2,540,000	2,540,000		Không thay đổi
	(b) Các khoản cấp phát theo tiểu hợp phần B.4(b) của Dự án	1,822,000	1,781,000		Điều chỉnh sang hạng mục 2(c).
	(c) Chi phí hoạt động gia tăng theo Hợp phần B, C.2(b) và C.3(b) của Dự án.	268,000	309,000		Kinh phí tăng thêm trong 6 tháng gia hạn, điều chỉnh từ hạng mục 2(b) còn dư sang.

Ghi chú:

Tỷ lệ quy đổi tạm tính 1USD = 19.000 VND.